

Bản án số: 37/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 21-4-2026

“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 – VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Sơn Thị Hoa Lan.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung.

Ông Nguyễn Hồng Quân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Huyền Trân là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 – Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Lưu Thái Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 – Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 155/2026/TLST-HNGĐ, ngày 18 tháng 03 năm 2026, về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 06 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Y T**, sinh năm 1997; (Có đơn xin xét xử vắng mặt);

Số căn cước: 062197004054; Nơi thường trú: Thôn K, xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

- Bị đơn: Anh **Trần Thạch S**, sinh năm 1986; (Có đơn xin xét xử vắng mặt);

Số căn cước: 084086004895; Nơi thường trú: Ấp R, xã P, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 10/3/2026 nguyên đơn chị Y T trình bày có nội dung:

Chị Y T xác lập quan hệ vợ chồng với anh Trần Thạch S, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh (nay là xã P, tỉnh Vĩnh Long) vào ngày 20/12/2018.

Trong quá trình chung sống có một con chung là Trần Bảo V, sinh ngày 03/8/2020, hiện đang sống chung với anh S. Khi ly hôn chị Y Tại đồng ý giao con chung Trần Bảo V, sinh ngày 03/8/2020 cho anh S được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, chị Y Tại đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng bằng 3.000.000 đồng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nguyên nhân mâu thuẫn: Vợ chồng sống chung nhau không hạnh phúc, không có tiếng nói chung, trong cuộc sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, không thể nào giải quyết cũng như hàn gắn tình cảm được, vợ chồng thường hay cự cãi, sống chung với nhau không còn hạnh phúc, vợ chồng chị đã sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay. Nay chị thấy không còn tình cảm với anh S nên yêu cầu được ly hôn.

Chị Y T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Tại bản tự khai ngày 10/3/2026 và trong quá trình tham gia tố tụng bị đơn anh Trần Thạch S trình bày có nội dung:

Vào năm 2018, anh có xác lập quan hệ vợ chồng với chị Y T và có đăng ký kết hôn vào ngày 20/12/2018 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh (nay là xã P, tỉnh Vĩnh Long). Trong quá trình chung sống có 01 con chung là Trần Bảo V, sinh ngày 03/8/2020, hiện nay con chung đang sống chung anh S. Về tài sản chung, nợ chung: Không có. Nguyên nhân mâu thuẫn: Vợ chồng sống chung với nhau không hạnh phúc, không có tiếng nói chung, trong cuộc sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, không thể nào giải quyết cũng như hàn gắn tình cảm vợ chồng, vợ chồng thường hay cự cãi, sống chung với nhau không còn hạnh phúc, nên vợ chồng anh chị đã sống ly thân năm 2022 cho đến nay.

Nay chị Y T yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý ly hôn. Về con chung: Anh S yêu cầu được nuôi dưỡng con chung Trần Bảo V, sinh ngày 03/8/2020, anh S yêu cầu chị Y Tại cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng bằng 3.000.000 đồng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Về tài sản chung, về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Trần Thạch S có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Những vấn đề mà các đương sự đã thống nhất:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Y T và anh S thống nhất thuận tình ly hôn.
- Về con chung: Chị Y T đồng ý giao con chung Trần Bảo V, sinh ngày 03/8/2020 cho anh S được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn.
- Về cấp dưỡng: Chị Y T đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng bằng 3.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.
- Về tài sản chung: Chị Y T và anh S khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Chị Y T và anh S khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Những vấn đề các đương sự không thống nhất: không có

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn tham gia tố tụng trong vụ án đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Y Tại được ly hôn với anh Trần Thạch S; Về con chung: Giao con chung Trần Bảo V, sinh ngày 03/8/2020 cho anh S tiếp tục nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn; Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Y T tự nguyện đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng bằng 3.000.000 đồng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi; Về tài sản chung và nợ chung: Không có yêu cầu, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Về án phí: Buộc nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Y T, anh S có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Y T xác lập quan hệ hôn nhân với anh S và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh (nay là xã P, tỉnh Vĩnh Long) vào ngày 20/12/2018 đúng theo quy định của pháp luật, cho nên hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Nay chị Y T và anh S thống nhất ly hôn, nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự.

[3] Về con chung: Cháu Trần Bảo V, sinh ngày 03/8/2020 hiện do anh S đang nuôi dưỡng. Để đảm bảo cháu V được tiếp tục phát triển về mọi mặt và cũng không làm xáo trộn cuộc sống của cháu V, chị Y Tại đồng ý giao cháu V cho anh S nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử nghĩ nên giao cháu V cho anh S được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cũng là phù hợp.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại đơn khởi kiện chị Y Tại đồng ý tự nguyện cấp dưỡng nuôi con là 3.000.000 đồng/tháng. Xét thấy, việc đồng ý cấp dưỡng nuôi con của chị Y T là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội; đồng thời đây là quyền tự quyết của đương sự trong việc thực hiện quyền dân sự được quy định tại Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này của chị Y T.

[5] Về tài sản chung: Chị Y T và anh S khai không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Chị Y T và anh S khai không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ.

[8] Về án phí: Chị Y T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 273 và 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, luật tố tụng hành chính, luật tư pháp người chưa thành niên, luật phá sản và luật hoà giải, đối thoại tại Tòa án. Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Y T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Y Tại được ly hôn với anh Trần Thạch S.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Bảo V, sinh ngày 03/8/2020 cho anh Trần Thạch S được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Y T đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung là 3.000.000 đồng/tháng, cho đến khi con chung 18 tuổi.

4. Về tài sản chung: Chị Y T và anh S khai không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về nợ chung: Chị Y T và anh S khai không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

6. Về án phí: Chị Y T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004790, ngày 17/03/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long; Chị Y T còn phải nộp tiếp số tiền bằng 300.000 đồng.

7. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai để xin xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 12 – Vĩnh Long;
- Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long;
- Phòng THADS khu vực 12-Vĩnh Long;
- Ủy ban nhân dân xã Phong Thạnh (chứng nhận kết hôn ngày 20/12/2018);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Sơn Thị Hoa Lan